

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng 05 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I	2
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Mục 1	2
ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ	2
Mục 2	5
THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	5
Điều 2. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính	5
Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VIETNAM AIRLINES	6
Điều 4. Con dấu	6
Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES	7
Điều 6. Mục tiêu của VIETNAM AIRLINES	7
Điều 7. Cấu trúc tổ chức hoạt động	8
Điều 8. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
Điều 9. Quản lý nhà nước	8
Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong VIETNAM AIRLINES	8
Mục 3	9
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	9
Điều 11. Ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES	9
Điều 12. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES	9
Điều 13. Các hoạt động khác	10
Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không	11
CHƯƠNG II	11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	11
Điều 15. Vốn điều lệ	11
Điều 16. Tăng, giảm Vốn điều lệ	12
Điều 17. Cổ phần	13
Điều 18. Chào bán Cổ phần	13
Điều 19. Mua lại Cổ phần	15
Điều 20. Thu hồi Cổ phần	16
Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần	17
Điều 22. Thừa kế Cổ phần	18



h

Điều 23.	Giới hạn sở hữu Cổ phần.....	18
Điều 24.	Số đăng ký Cổ đông.....	18
Điều 25.	Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần.....	19
CHƯƠNG III	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH	20
Mục 1	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC	20
Điều 26.	Cơ cấu tổ chức quản lý của VIETNAM AIRLINES	20
Mục 2	21
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 27.	Cổ đông.....	21
Điều 28.	Quyền của Cổ đông	22
Điều 29.	Nghĩa vụ của Cổ đông	24
Điều 30.	Trách nhiệm của Cổ đông lớn.....	26
Điều 31.	Đại hội đồng Cổ đông.....	26
Điều 32.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	26
Điều 33.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông	28
Điều 34.	Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đồng	30
Điều 35.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	31
Điều 36.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	33
Điều 37.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	35
Điều 38.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	36
Điều 39.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	38
Điều 40.	Thay đổi các quyền.....	40
Điều 41.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	40
Điều 42.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	41
Mục 3	42
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	42
Điều 43.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	42
Điều 44.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	43
Điều 45.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	45
Điều 46.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	49
Điều 47.	Tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	50
Điều 48.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	51
Điều 49.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên	51
Điều 50.	Họp Hội đồng Quản trị	52

Điều 51.	Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị	54
Điều 52.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	55
Điều 53.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị	56
Điều 54.	Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị.....	57
Điều 55.	Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES	58
Điều 56.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	59
Mục 4	59
BAN KIỂM SOÁT	59
Điều 57.	Ban kiểm soát	59
Điều 58.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	59
Điều 59.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....	61
Điều 60.	Nhiệm vụ, quyền hạn các Kiểm soát viên	62
Điều 61.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	63
Điều 62.	Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên	64
Điều 63.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên.....	64
Điều 64.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	65
Điều 65.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	65
Điều 66.	Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát.....	66
Điều 67.	Biên bản họp Ban kiểm soát	67
Điều 68.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên	68
Điều 69.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	68
Mục 5	68
TỔNG GIÁM ĐỐC.....	68
Điều 70.	Tổng giám đốc	68
Điều 71.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	69
Điều 72.	Giúp việc cho Tổng giám đốc.....	71
Điều 73.	Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	71
Điều 74.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	71
Mục 6	74
NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VIETNAM AIRLINES	74
Điều 75.	Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES.....	74
Điều 76.	Công khai các lợi ích có liên quan.....	75
Điều 77.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	75
Điều 78.	Trách nhiệm cẩn trọng.....	76
Điều 79.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	76



h

Điều 80. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	77
Mục 7	78
LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	78
Điều 81. Lao động – Tiền lương	78
Điều 82. Công đoàn.....	78
CHƯƠNG IV	79
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....	79
Mục 1	79
CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES	79
Điều 83. Cơ cấu tổ chức hoạt động của VIETNAM AIRLINES	79
Mục 2	79
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC.....	79
Điều 84. Quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES với các Đơn vị trực thuộc	79
Mục 3	80
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINE80S VỚI CÁC CÔNG TY CỔ VỐN GÓP CỦA VIETNAM AIRLINES.....	80
Điều 85. Quản lý phần vốn của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại doanh nghiệp khác	80
Điều 86. Nguyên tắc quan hệ với các công ty cổ vốn góp của VIETNAM AIRLINES	80
CHƯƠNG V	81
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH.....	81
Mục 1	81
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH	81
Điều 87. Chế độ tài chính	81
Điều 88. Hệ thống kế toán.....	82
Điều 89. Năm tài chính.....	82
Mục 2	82
KIỂM TOÁN	82
Điều 90. Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ.....	82
Mục 3	84
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	84
Điều 91. Phân phối lợi nhuận sau thuế.....	84
Điều 92. Trích lập quỹ.....	84
Điều 93. Cổ tức.....	84
CHƯƠNG VI	86
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETNAM AIRLINES	86
Điều 94. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý	86
Điều 95. Báo cáo thường niên	87

Điều 96.	Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ VIETNAM AIRLINES	87
Điều 97.	Chế độ lưu giữ tài liệu của VIETNAM AIRLINES	88
Điều 98.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	89
CHƯƠNG VII	89
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THẺ VÀ PHÁ SẢN VIETNAM AIRLINES	89
Điều 99.	Tổ chức lại	89
Điều 100.	Giải thẻ.....	89
Điều 101.	Phá sản	90
CHƯƠNG VIII	91
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	91
Điều 102.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	91
CHƯƠNG IX	91
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	91
Điều 103.	Thông tin định kỳ.....	91
Điều 104.	Nghĩa vụ bảo mật.....	92
Điều 105.	Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ.....	92
CHƯƠNG X	92
ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC	92
Điều 106.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	92
Điều 107.	Điều khoản chung	92
PHỤ LỤC I	1
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIETNAM AIRLINES	1
PHỤ LỤC II	2
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VIETNAM AIRLINES	2

010
 CÔNG
 NG KI
 (VG B
 CP IAT

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; và
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức chính thức vào ngày 10 tháng 5 năm 2018 (theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP). Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

10
Đ
NG
ÔNG
TC
ÊN

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1
ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP**” (sau đây gọi tắt là VIETNAM AIRLINES) là Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Hàng không Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần do Nhà nước sở hữu cổ phần chi phối theo Quyết định số 1611/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
 - b. “**Ban kiểm soát**” có nghĩa là Ban kiểm soát của VIETNAM AIRLINES.
 - c. “**Cổ đông**” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VIETNAM AIRLINES và đăng ký tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES với tư cách là một người sở hữu (các) Cổ phần.
 - d. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VIETNAM AIRLINES.
 - e. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là một Cổ phần của VIETNAM AIRLINES.
 - f. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VIETNAM AIRLINES sau khi đã đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật.
 - g. “**Cổ phần, vốn góp chi phối**” của VIETNAM AIRLINES tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
 - h. “**Cổ phần, vốn góp không chi phối**” của VIETNAM AIRLINES tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc phần vốn góp của VIETNAM AIRLINES chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó trở xuống.
 - i. “**Cơ quan Nhà nước**” là bất kỳ cá nhân, tổ chức sau đây của Việt Nam: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Tổng cục, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, và các cơ quan, ban, ngành hay đơn vị của các đối tượng trên, và bất kỳ Ủy ban,

Bộ trưởng, Hội đồng, cá nhân, tổ chức khác mà sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia ý kiến của cá nhân và/hoặc tổ chức đó là cần thiết hoặc nên có cho bất kỳ việc hay vấn đề gì được nêu hay dự liệu trong Điều lệ này.

- j. **“Công ty con”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i) VIETNAM AIRLINES sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - (ii) VIETNAM AIRLINES có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc tổng giám đốc (giám đốc) của công ty đó;
 - (iii) VIETNAM AIRLINES có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
- k. **“Công ty liên kết”** là công ty mà VIETNAM AIRLINES nắm giữ Cổ phần, vốn góp không chi phối, tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật có liên quan.
- l. **“Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần”** là chứng chỉ do VIETNAM AIRLINES phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần do VIETNAM AIRLINES phát hành cho Cổ đông. Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần có các nội dung được quy định tại Điều 25 Điều lệ này.
- m. **“Đại hội đồng Cổ đông”** là tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết của VIETNAM AIRLINES.
- n. **“Điều lệ”** là bản điều lệ này.
- o. **“Đơn vị trực thuộc”** là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES.
- p. **“Hội đồng Quản trị”** là Hội đồng Quản trị của VIETNAM AIRLINES.
- q. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- r. **“Luật chứng khoán”** là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- s. **“Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES”** là người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của VIETNAM AIRLINES để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của VIETNAM AIRLINES.

- t. “**Người điều hành VIETNAM AIRLINES**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng VIETNAM AIRLINES.
- u. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
- v. “**Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VIETNAM AIRLINES và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh VIETNAM AIRLINES ký kết giao dịch của VIETNAM AIRLINES theo quy định tại Điều lệ này.
- w. “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ, các văn bản khác được các Cơ quan Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác nêu trên.
- x. “**Quyền chi phối**” là quyền của VIETNAM AIRLINES đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
- (i) Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
 - (ii) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu Cổ phần, vốn góp chi phối trong doanh nghiệp;
 - (iii) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc của doanh nghiệp;
 - (iv) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - (v) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
 - (vi) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và doanh nghiệp bị chi phối hoặc được ghi vào điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.
- y. “**Sổ đăng ký Cổ đông**” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.
- z. “**Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- aa. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- bb. “**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES và quy định của Pháp luật.
- cc. “**Tổng giá trị kế hoạch đầu tư**” là tổng mức đầu tư kế hoạch của các dự án đầu tư được ghi Kế hoạch trong năm.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản Pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản Pháp luật đó.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2

THÀNH LẬP, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính

1. Tên gọi:
- a. Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP.
 - b. Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM.
 - c. Tên tiếng Anh: VIETNAM AIRLINES JSC.
 - d. Tên viết tắt: VIETNAM AIRLINES.
2. Loại hình công ty: Công ty cổ phần.
3. Trụ sở chính:
- a. Địa chỉ: Số 200 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội
 - b. Điện thoại: (84-024) 38272289
 - c. Fax: (84-024) 38722375
 - d. Email: vanthu.corp@vietnamairlines.com

- e. Website: <http://www.vietnamairlines.com>
4. Biểu tượng “Bông sen vàng” và cụm từ “Vietnam Airlines” dưới đây đã được đăng ký bảo hộ phù hợp với Pháp luật của Việt Nam và của các quốc gia khác, trong từng thời điểm.



5. Thời hạn hoạt động: Trừ trường hợp tổ chức lại, giải thể, phá sản theo quy định tại Điều 99, Điều 100 và Điều 101 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của VIETNAM AIRLINES là vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. VIETNAM AIRLINES có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIETNAM AIRLINES trong phạm vi số vốn mà Cổ đông đó đã góp vào VIETNAM AIRLINES.
2. VIETNAM AIRLINES có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các Công ty con, Công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các Công ty con, Công ty liên kết theo tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và điều lệ của các công ty đó.
3. VIETNAM AIRLINES có:
 - a. Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
 - b. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty con và Công ty liên kết trong phạm vi số vốn do VIETNAM AIRLINES đầu tư.
 - c. Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, nội dung, hình thức con dấu; hủy hoặc thay đổi mẫu dấu; quyết định việc quản lý, sử dụng (các) con dấu của VIETNAM AIRLINES. (Các) con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.

2. Quyết định về con dấu của VIETNAM AIRLINES phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Mẫu con dấu, bao gồm hình thức, kích cỡ, nội dung và màu mực dấu;
 - b. Số lượng con dấu; và
 - c. Nguyên tắc quản lý và sử dụng con dấu.
3. Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc chịu trách nhiệm quản lý con dấu của VIETNAM AIRLINES; Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng con dấu của VIETNAM AIRLINES theo các quy định có liên quan của Pháp luật và của VIETNAM AIRLINES.
4. Mẫu dấu của VIETNAM AIRLINES sẽ được thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
5. Con dấu của VIETNAM AIRLINES phải được để tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp thật cần thiết để giải quyết công việc ở ngoài trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES thì Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.
6. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của Pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.
7. Trường hợp con dấu đang sử dụng bị mòn, hỏng hoặc có sự chuyển đổi về loại hình hay đổi tên của VIETNAM AIRLINES thì VIETNAM AIRLINES sẽ tự khắc dấu và thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố nơi VIETNAM AIRLINES đặt trụ sở chính phù hợp với quy định tại Khoản 4 nêu trên.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES

Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES là Tổng giám đốc VIETNAM AIRLINES.

Điều 6. Mục tiêu của VIETNAM AIRLINES

Mục tiêu tổng quát của VIETNAM AIRLINES là: Xây dựng VIETNAM AIRLINES trở thành doanh nghiệp mạnh, là hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không Việt Nam với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo dưỡng và đào tạo chuyên ngành tiên tiến, là cầu nối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam hội nhập, trở thành hãng hàng không có tầm cỡ tại khu vực Đông Nam Á và giữ vị thế chi phối trong khu vực Tiểu vùng CLMV (Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam), kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của Cổ đông và nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước và là lực lượng dự bị đáng tin cậy cho an ninh quốc phòng.

Điều 7. Cấu trúc tổ chức hoạt động

1. VIETNAM AIRLINES có thể thành lập Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ, tham gia thành lập hoặc góp vốn, mua cổ phần trong các Công ty con khác, Công ty liên kết hoạt động trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động kinh doanh chính theo quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES có quyền thành lập các Đơn vị trực thuộc ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài để thực hiện mục tiêu hoạt động của VIETNAM AIRLINES.

Điều 8. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của VIETNAM AIRLINES bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES được thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề mà Pháp luật không cấm và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VIETNAM AIRLINES.
3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIETNAM AIRLINES là ở cả trong và ngoài nước.

Điều 9. Quản lý nhà nước

1. VIETNAM AIRLINES chịu sự quản lý nhà nước của Cơ quan Nhà nước các cấp theo quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong VIETNAM AIRLINES

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VIETNAM AIRLINES hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VIETNAM AIRLINES hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của Pháp luật.
3. VIETNAM AIRLINES tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của Pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.

Mục 3
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 11. Ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES

1. Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hàng lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư);
2. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: (i) Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng); (ii) Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác; (iii) Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố; (iv) Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
3. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác);
4. Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

Điều 12. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES

1. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay: nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không; Vận tải đa phương thức;
2. Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan: Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước; Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
3. Giáo dục nghề nghiệp;
4. Quảng cáo, truyền thông;
5. Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ; Hoạt động xuất bản khác;
6. Tổ chức sự kiện;

7. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm và đồ uống);
8. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: (i) Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay; (ii) Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng); và (iii) Xăng dầu khác;
9. Đại lý môi giới, đấu giá: Đại lý bán lẻ xăng dầu; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
10. Các dịch vụ hàng không khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 13. Các hoạt động khác

Căn cứ quy định Pháp luật hiện hành, VIETNAM AIRLINES được thực hiện các hoạt động khác bao gồm nhưng không hạn chế ở các lĩnh vực sau đây:

1. Hoạt động tư vấn quản lý, bao gồm: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài; Mua, bán doanh nghiệp; Góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
2. In ấn trừ các loại hình nhà nước cấm;
3. Xây dựng nhà các loại;
4. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn xây dựng không bao gồm thiết kế công trình);
5. Cung ứng và quản lý nguồn lao động, bao gồm: Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài); Xuất, nhập khẩu lao động;
6. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu;
7. Kinh doanh bất động sản;
8. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử;
9. Kinh doanh du lịch bao gồm: Du lịch lữ hành; Kinh doanh lưu trú du lịch; Vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch, đại lý du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác;



10. Kinh doanh viễn thông: (i) Hoạt động viễn thông có dây; (ii) Hoạt động viễn thông không dây; (iii) Hoạt động viễn thông vệ tinh; và (iv) Hoạt động viễn thông khác, dịch vụ kết nối trên chuyến bay;
11. Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
12. Hoạt động của các cơ sở thể thao như hoạt động hồ bơi, sân tennis, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá;
13. Giáo dục thể thao và giải trí: giảng dạy các hoạt động thể thao;
14. Kinh doanh đại lý bảo hiểm (bao gồm giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, thu xếp, giao kết hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm);
15. Kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch khác như đặt chỗ khách sạn, cho thuê xe ô tô, mua bảo hiểm du lịch dưới dạng bán sản phẩm hỗ trợ (cụ thể là sản phẩm do đối tác thứ ba cung cấp, VIETNAM AIRLINES chỉ là nhà phân phối và hưởng hoa hồng trên cơ sở tùy chọn của hành khách và hành khách trả thêm tiền);
16. Kinh doanh các hoạt động điều hành tua du lịch, bao gồm nhưng không giới hạn trong kinh doanh sản phẩm trọn gói gồm vé máy bay và khách sạn kèm thêm bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, các dịch vụ giải trí như dịch vụ quá cảnh, tua tham quan, chơi golf; và
17. Các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 14. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán thương mại trong hoạt động hàng không

1. VIETNAM AIRLINES được áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động hàng không mà Việt Nam là thành viên phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán thương mại, kể cả tập quán thương mại quốc tế, liên quan đến hoạt động hàng không nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.

**CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

Điều 15. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua là 12.275.337.780.000 VND (Bằng chữ: Mười hai nghìn hai trăm bảy mươi lăm tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).



02
NG
G
GV
CI
N-

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích và theo tỷ lệ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 16. Tăng, giảm Vốn điều lệ

1. VIETNAM AIRLINES có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật. VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách phù hợp theo quy định của Pháp luật để phản ánh việc tăng, giảm Vốn điều lệ.
2. Các hình thức tăng Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES:
 - a. Phát hành Cổ phần ra công chúng, phát hành Cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kê cả trường hợp phát hành Cổ phần để trả Cổ tức, cơ cấu lại nợ của VIETNAM AIRLINES theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp Cổ phần theo thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và các chủ nợ;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành Cổ phần (nếu có);
 - c. Phát hành Cổ phần mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào VIETNAM AIRLINES;
 - d. Phát hành Cổ phần từ nguồn thặng dư vốn để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật; và
 - e. Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của Pháp luật.
3. Các hình thức giảm Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES:
 - a. VIETNAM AIRLINES mua lại và hủy bỏ một số lượng Cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;
 - b. Hoàn trả một phần vốn góp cho Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong VIETNAM AIRLINES nếu VIETNAM AIRLINES đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai (02) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; và
 - c. Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của Pháp luật.
4. Việc giảm Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm Vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của Pháp luật (nếu có).



Điều 17. Cổ phần

1. Mỗi Cổ phần của VIETNAM AIRLINES có mệnh giá là 10.000 VND (Bằng chữ: mười nghìn đồng). Số lượng Cổ phần của VIETNAM AIRLINES bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một Cổ phần.
2. Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua được chia thành 1.227.533.778 Cổ phần (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tám Cổ phần).
3. Toàn bộ Cổ phần của VIETNAM AIRLINES vào ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.
4. VIETNAM AIRLINES có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 18. Chào bán Cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng Vốn điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại VIETNAM AIRLINES;
 - b. Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của VIETNAM AIRLINES theo quy định pháp luật;Trường hợp giá bán Cổ phần cao hơn mệnh giá Cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác với số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp tán thành. Trường hợp VIETNAM AIRLINES phát hành thêm Cổ phần phổ thông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của Cổ đông tại VIETNAM AIRLINES thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. VIETNAM AIRLINES phải thông báo bằng văn bản đến các Cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ

trong Sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ phần.

- b. Thông báo gửi Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của Cổ đông tại VIETNAM AIRLINES; tổng số Cổ phần dự kiến chào bán và số Cổ phần Cổ đông được quyền mua; giá chào bán Cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES. Thời hạn đăng ký mua xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để Cổ đông đăng ký mua được Cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua Cổ phần do VIETNAM AIRLINES phát hành. Nếu phiếu đăng ký mua Cổ phần không được gửi về VIETNAM AIRLINES đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES) thì Cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua Cổ phần.
 - c. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua Cổ phần của mình cho người khác.
 - d. Trường hợp số lượng Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông đăng ký mua hết thì số Cổ phần đó sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định xử lý. Hội đồng Quản trị có quyền bán số Cổ phần đó cho Cổ đông khác của VIETNAM AIRLINES hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VIETNAM AIRLINES.
 4. Sau khi Cổ phần được thanh toán đầy đủ và người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VIETNAM AIRLINES, VIETNAM AIRLINES phải phát hành và trao Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần cho người mua. VIETNAM AIRLINES có thể bán Cổ phần mà không trao Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần. Trường hợp này, các thông tin về Cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu Cổ phần của Cổ đông đó trong VIETNAM AIRLINES.
 5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán Cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.
 6. Việc chào bán Cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 19. Mua lại Cổ phần

1. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES

VIETNAM AIRLINES có quyền mua lại không quá 30% tổng số Cổ phần phổ thông đã bán ra, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- b. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này. Đối với Cổ phần loại khác, nếu VIETNAM AIRLINES và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- c. VIETNAM AIRLINES có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong VIETNAM AIRLINES. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của VIETNAM AIRLINES phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho VIETNAM AIRLINES.
- d. Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VIETNAM AIRLINES trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. VIETNAM AIRLINES chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại VIETNAM AIRLINES hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VIETNAM AIRLINES trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này.

- b. VIETNAM AIRLINES phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VIETNAM AIRLINES giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại:
- a. VIETNAM AIRLINES chỉ được quyền mua lại Cổ phần của Cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại cho Cổ đông quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và giá trị thực của Vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật (nếu có); trường hợp mua lại Cổ phần dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES thì phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này là Cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.
- c. Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần xác nhận quyền sở hữu đối với Cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần gây ra đối với VIETNAM AIRLINES.
- d. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VIETNAM AIRLINES giảm hơn 10% thì VIETNAM AIRLINES phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Điều 20. Thu hồi Cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua Cổ phần, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VIETNAM AIRLINES. Việc xác định lãi suất chậm thanh toán tiền mua Cổ phần theo thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Thông báo thanh toán tiền mua Cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận

việc giao nộp các Cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các Cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% mức lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị Cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả Cổ phần đã thanh toán được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này, Pháp luật hoặc thỏa thuận giữa VIETNAM AIRLINES và Cổ đông có liên quan quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận Cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua Cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong thời gian đang xử lý các vi phạm của các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES và/hoặc các Cổ đông của VIETNAM AIRLINES theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nếu các cá nhân này đồng thời là Cổ đông thì không được quyền chuyển nhượng Cổ phần, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc có trường hợp bắt buộc các cá nhân này phải chuyển nhượng Cổ phần theo quy định Pháp luật.
4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp Cổ phần của VIETNAM AIRLINES được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thì sẽ được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu Cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký Cổ đông.



Điều 22. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định của Pháp luật có liên quan.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại Cổ phần được thừa kế tại Sở đăng ký Cổ đông và trở thành Cổ đông của VIETNAM AIRLINES, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Người thừa kế Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người quản lý khác được sở hữu Cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 23. Giới hạn sở hữu Cổ phần

1. Tổng số Cổ phần do bên nước ngoài sở hữu không được vượt quá 30% Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES.

Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc pháp nhân Việt Nam giữ phần Vốn điều lệ lớn nhất của VIETNAM AIRLINES. Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân.

2. Phần vốn đầu tư nước ngoài nêu tại Khoản 1 Điều này được xác định theo quy định của Pháp luật.

Điều 24. Sở đăng ký Cổ đông

1. Sở đăng ký Cổ đông được thành lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi VIETNAM AIRLINES được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - c. Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc gia nơi Cổ đông đăng ký thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; và

- e. Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLKCK). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VIETNAM AIRLINES hoặc TTLKCK. Trường hợp Cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d Khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho VIETNAM AIRLINES để điều chỉnh trong Sổ đăng ký Cổ đông. Nếu VIETNAM AIRLINES không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được VIETNAM AIRLINES gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 25. Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần

1. Cổ đông của VIETNAM AIRLINES được cấp Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.
2. Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần do VIETNAM AIRLINES phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần;
 - e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc gia nơi Cổ đông đăng ký thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức;
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của VIETNAM AIRLINES;
 - h. Sổ đăng ký tại Sổ đăng ký Cổ đông và ngày phát hành Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần tương ứng;
 - i. Đối với Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần của Cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; và
 - j. Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.

0787
NG
G T)
G VIỆT
CP
N-T.S

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES liên quan đến bất kỳ loại Cổ phần nào sẽ được cấp miễn phí Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VIETNAM AIRLINES hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành.
4. VIETNAM AIRLINES có thể, trực tiếp hoặc gián tiếp, quản lý Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần cho Cổ đông hoặc cấp Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, Cổ đông được VIETNAM AIRLINES cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải có các nội dung sau:
 - a. Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về việc sở hữu Cổ phần và những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần mới; và
 - c. Thanh toán mọi chi phí phát sinh (nếu có) cho VIETNAM AIRLINES liên quan đến việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần của Cổ đông.
5. Sau khi VIETNAM AIRLINES đã niêm yết hoặc đăng ký lưu ký tập trung, Cổ phần do các Cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại Cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 26. Cơ cấu tổ chức quản lý của VIETNAM AIRLINES

Cơ cấu tổ chức quản lý của VIETNAM AIRLINES gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng giám đốc.

Mục 2
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VIETNAM AIRLINES trong phạm vi số vốn đã góp vào VIETNAM AIRLINES.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES.
3. Người đại diện theo ủy quyền:
 - a. Nếu Cổ đông là tổ chức thì Cổ đông đó phải chỉ định một hay nhiều người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình tại Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông phải xác định cụ thể phần vốn góp, số Cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền như vậy. Trường hợp Cổ đông không xác định phần vốn góp, số Cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số Cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại VIETNAM AIRLINES sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
 - b. Cổ đông có sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền cho một (01) hoặc một số người đại diện. Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho một (01) người đại diện.
 - c. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải được thông báo bằng văn bản cho VIETNAM AIRLINES trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông chỉ có giá trị pháp lý với VIETNAM AIRLINES khi VIETNAM AIRLINES đã nhận được thông báo hợp lệ.
 - d. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức;
 - (ii) Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần của Cổ đông;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;



- (iv) Số lượng Cổ phần mà người đại diện theo ủy quyền được chỉ định để đại diện và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp có hơn một người đại diện theo ủy quyền; và
 - (v) Thời hạn đại diện theo ủy quyền của từng người đại diện theo ủy quyền trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền.
- e. Việc chỉ định hoặc chấm dứt một người đại diện theo ủy quyền sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm cuối cùng trong các thời điểm sau:
- (i) Ngày VIETNAM AIRLINES nhận được văn bản ủy quyền;
 - (ii) Ngày khác được ghi cụ thể trong văn bản ủy quyền.
- f. Mỗi Cổ đông bồi hoàn cho VIETNAM AIRLINES đối với mọi khiếu nại phát sinh từ hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho Cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh từ việc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của người đại diện theo ủy quyền.
- g. Mỗi Cổ đông phải bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước Đại hội đồng Cổ đông và bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền đó sẽ không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự Đại hội đồng Cổ đông mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của VIETNAM AIRLINES.
- h. Người đại diện theo ủy quyền của các Cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông không được hưởng thù lao của VIETNAM AIRLINES về việc thực hiện công việc ủy quyền trừ trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại VIETNAM AIRLINES được thực hiện theo quy định của Pháp luật liên quan.

Điều 28. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 39 của Điều lệ này;
 - b. Nhận Cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VIETNAM AIRLINES;

- d. Được tự do chuyển nhượng Cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES cho Cổ đông khác hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải là Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - e. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp VIETNAM AIRLINES có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho Cổ đông và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - f. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật;
 - g. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - h. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VIETNAM AIRLINES, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - j. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại VIETNAM AIRLINES sau khi VIETNAM AIRLINES đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán các Cổ đông sở hữu các loại Cổ phần ưu đãi của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật khi VIETNAM AIRLINES giải thể hoặc phá sản;
 - k. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình;
 - l. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ và theo quy định của Pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị trong thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định;
 - m. Yêu cầu VIETNAM AIRLINES mua lại Cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật; và
 - n. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ và Pháp luật có liên quan.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) số Cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thêm các quyền sau:



- a. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VIETNAM AIRLINES khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần trong tổng số Cổ phần của VIETNAM AIRLINES; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
- b. Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 43 và Điều 57 của Điều lệ này;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- (i) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý VIETNAM AIRLINES hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (ii) Nhiệm kỳ của quá một phần ba số thành viên Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu lại hoặc chưa có thành viên mới được bầu thay thế.
- Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần trong tổng số Cổ phần của VIETNAM AIRLINES, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng từ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền; và
- f. Các quyền khác theo Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ tiền mua số Cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do VIETNAM

AIRLINES hoặc Pháp luật quy định và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua Cổ phần;

2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES;
3. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của VIETNAM AIRLINES trong phạm vi số vốn đã góp;
6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được VIETNAM AIRLINES hoặc người khác mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều lệ và của Pháp luật;
7. Không được sử dụng Cổ phần, Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần làm tài sản thế chấp, cầm cố hoặc hình thức bảo đảm khác để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với VIETNAM AIRLINES hoặc để bảo lãnh cho nghĩa vụ của một bên thứ ba đối với VIETNAM AIRLINES;
8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của VIETNAM AIRLINES;
9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VIETNAM AIRLINES dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm Pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VIETNAM AIRLINES;
10. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VIETNAM

107
ĐỒNG
G T
NG VI
CP
N-T

AIRLINES. VIETNAM AIRLINES có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các Cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của các cổ phần; và

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của VIETNAM AIRLINES và của các Cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 31. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VIETNAM AIRLINES, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải có đủ số lượng Cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.
3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền hợp lệ thông qua theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại Cổ phần ưu đãi (nếu có) chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền hợp lệ thông qua theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Định hướng phát triển; các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của VIETNAM AIRLINES (gồm: số lượng hành khách, hàng hóa vận chuyển và luân chuyển; tổng doanh thu; tổng lợi nhuận trước và sau thuế; phân phối lợi nhuận; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Tổng giá trị kế hoạch đầu tư hàng năm).

2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức Cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó. Mức Cổ tức được thông qua sẽ không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và của Ban kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao, tiền lương của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo thù lao, tiền lương của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - h. Loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại Cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý của VIETNAM AIRLINES; chủ trương thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý), phá sản VIETNAM AIRLINES và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES và các Cổ đông của VIETNAM AIRLINES;
 - l. Chủ trương đầu tư đối với các dự án mua tàu bay, bao gồm cả động cơ dự phòng thuộc dự án tàu bay; quyết định chủ trương đầu tư, mua tài sản cố định khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Thông qua việc điều chỉnh Tổng giá trị kế hoạch đầu tư nếu vượt quá 10% Tổng giá trị kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - m. Chủ trương đối với phương án thanh lý, nhượng bán, bán và thuê lại tàu bay mới và tàu bay chưa khấu hao hết; Chủ trương đối với phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính



gần nhất được kiểm toán;

- n. Chủ trương đối với các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES;
 - o. VIETNAM AIRLINES mua lại trên 10% tổng số Cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - p. VIETNAM AIRLINES ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại Cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông

- 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do Hội đồng Quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt, theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.
- 2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Số thành viên của Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định;

- c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- d. Theo yêu cầu bằng văn bản của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Người điều hành VIETNAM AIRLINES vi phạm các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này có quyền đại diện VIETNAM AIRLINES triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Pháp luật và theo quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
6. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam. Địa điểm cụ thể do người triệu tập họp quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều nơi khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này sẽ do VIETNAM AIRLINES thanh toán. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
8. Trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các thành viên



Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VIETNAM AIRLINES.

Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông tại Điều 33 Điều lệ này phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại, số và ngày được ghi tên vào Sổ đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông. VIETNAM AIRLINES công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người quản lý phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông.
4. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
5. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi VIETNAM AIRLINES niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
6. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho VIETNAM AIRLINES ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại Cổ phần Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 6 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng; hoặc
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
8. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
9. Những nghị quyết được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực kể cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
10. Đại diện công ty kiểm toán độc lập phải được mời dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để giải thích các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 35. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Các Cổ đông là cá nhân có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được

10107
TỔNG
NG T
ING VIET
TCP
N-T.P

ủy quyền cho mỗi người đại diện. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông trừ trường hợp được Cổ đông là tổ chức đó đồng ý và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.

2. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì Cổ đông này gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị quyết định về Cổ đông, cổ phiếu, Cổ phần và người dự họp theo quy định của Pháp luật.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của VIETNAM AIRLINES. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền này và các tài liệu khác chứng minh tư cách hợp lệ theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của Cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:
 - a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với VIETNAM AIRLINES).
5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; hoặc
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.

Khoản 5 này không áp dụng trong trường hợp VIETNAM AIRLINES nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 36. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VIETNAM AIRLINES phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VIETNAM AIRLINES cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên Cổ đông, đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
3. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
4. Đại hội đồng Cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số của từng loại phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ đối với từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, Chủ tọa không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:



- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý; và
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:
- a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự cuộc họp có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
 - d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Đại hội đồng Cổ đông họp lại vẫn phải đủ số lượng Cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Khoản 1, Khoản 2, và Khoản 3 Điều 37 và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng Cổ đông bị trì hoãn trước đó.
- Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn Đại hội đồng Cổ đông khi có sự nhấ trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội đồng Cổ đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng Cổ đông bị trì hoãn trước đó.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
- c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội đồng Cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được hoặc cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ hiện đại để nhóm các Cổ đông ở xa có thể đồng thời tham gia vào cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách tốt nhất tại địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội, bao gồm hướng dẫn Cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- 13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông được coi là tham gia Đại hội đồng Cổ đông ở địa điểm chính của đại hội.
- 14. Hàng năm VIETNAM AIRLINES tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

- 1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp

0010
TỔN
CÔNG
KHÔNG
CT
G BIẾT

Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 38. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES;
 - b. Thông qua định hướng phát triển của VIETNAM AIRLINES;
 - c. Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên; Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên trong trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - f. Quyết định giao dịch bán tài sản của VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh của VIETNAM AIRLINES hoặc giao dịch mua tài sản của VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh của VIETNAM AIRLINES có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - g. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, hoặc yêu cầu phá sản VIETNAM AIRLINES.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp nếu:
 - a. Được số Cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy

quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, đối với các vấn đề sau:

- (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES;
- (ii) Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định việc không áp dụng quyền ưu tiên chào bán Cổ phần cho các Cổ đông hiện hữu như quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;
- (iii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với VIETNAM AIRLINES;
- (iv) Quyết định giao dịch bán tài sản của VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản của VIETNAM AIRLINES hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của VIETNAM AIRLINES.

b. Được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận đối với các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này và Khoản 4 Điều này.

4. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
5. Trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
6. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và người ủy quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
7. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông biểu quyết tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
8. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES.



Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES, trừ những vấn đề buộc phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về VIETNAM AIRLINES phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VIETNAM AIRLINES theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIETNAM AIRLINES phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; hoặc
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIETNAM AIRLINES qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIETNAM AIRLINES nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không là Người điều hành VIETNAM AIRLINES. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông của VIETNAM AIRLINES trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị



như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 40. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại Cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp thông qua đồng thời được Cổ đông sở hữu ít nhất 65% quyền biểu quyết của Cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông sở hữu một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VIETNAM AIRLINES không bị thay đổi khi VIETNAM AIRLINES phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt, gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó nêu rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả Cổ đông thời gian mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông và ra quyết định không thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 38 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa

751
IG
TY
VIỆT
P
-T.P

án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày ban hành quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài theo trình tự, thủ tục quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Mục 3 **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho VIETNAM AIRLINES, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của VIETNAM AIRLINES;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới VIETNAM AIRLINES (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau: Các Cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:
 - a. Từ 10% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- b. Từ 30% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - c. Từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - d. Từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - e. Từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - f. Từ 70% đến dưới 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và
 - g. Từ 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy định nội bộ về quản trị VIETNAM AIRLINES. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý VIETNAM AIRLINES, có toàn quyền nhân danh VIETNAM AIRLINES để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu là năm (05) thành viên và không quá chín (09) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị cần bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES và có xét yếu tố về giới, trong đó có các thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách và các thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm. Đồng thời, cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành với các thành viên không điều hành. Tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

VIỆT NAM AIRLINES
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó có đơn từ chức;
 - c. Thành viên đó rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - f. Thành viên đó đã chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - g. Thành viên đó vi phạm quy định của Pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - h. Tư cách pháp nhân của Cổ đông là tổ chức mà thành viên đó là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền chấm dứt;
 - i. VIETNAM AIRLINES bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - j. Thành viên đó cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho VIETNAM AIRLINES với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - k. Các trường hợp khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị ban hành.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là người sở hữu Cổ phần của Công ty.
7. Trường hợp Cổ đông nước ngoài bao gồm cả Cổ đông chiến lược nước ngoài, nhà đầu tư tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài cử đại diện tham gia Hội đồng Quản trị, người được cử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của VIETNAM AIRLINES phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị sử dụng văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VIETNAM AIRLINES để giúp việc cho Hội đồng Quản trị thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật, Điều lệ VIETNAM AIRLINES và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VIETNAM AIRLINES;
 - c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của VIETNAM AIRLINES; Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và các văn bản quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES phù hợp với Điều lệ này và quy định Pháp luật; Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ Cổ đông;
 - e. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Đơn vị trực thuộc, văn phòng, các ban chuyên môn nghiệp vụ của VIETNAM AIRLINES và các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị;
 - f. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định các trường hợp đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;
 - g. Quyết định ban hành, bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ; quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị trực thuộc, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị;
 - h. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc;
 - i. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES, Chủ tịch, Phó chủ

tịch các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, cấp Trưởng Đơn vị trực thuộc, cấp Trưởng các văn phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương của VIETNAM AIRLINES; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích của họ; quyết định quỹ tiền lương thực hiện trên cơ sở quỹ tiền lương kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, kết quả sản xuất kinh doanh của VIETNAM AIRLINES, quy định của nhà nước và VIETNAM AIRLINES;

- j. Giám sát, chỉ đạo Người điều hành VIETNAM AIRLINES trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VIETNAM AIRLINES;
 - k. Quyết định bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng thành viên, Kiểm soát viên của Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - l. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - m. Quyết định cử Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES, cử người của VIETNAM AIRLINES tham gia ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ và quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của những người này;
 - n. Giải quyết các khiếu nại của VIETNAM AIRLINES đối với Người điều hành VIETNAM AIRLINES cũng như quyết định lựa chọn đại diện của VIETNAM AIRLINES để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - o. Đề xuất các loại Cổ phần phát hành và tổng số Cổ phần phát hành theo từng loại;
 - p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền;
 - r. Đề xuất mức Cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
 - t. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
 - u. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể VIETNAM AIRLINES.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn trước khi thực hiện:



- a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các văn bản quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES;
- b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được VIETNAM AIRLINES uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của VIETNAM AIRLINES;
- c. Quyết định các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sau khi Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định các hợp đồng vay vốn của VIETNAM AIRLINES có giá trị nhỏ hơn 50% Vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cả năm đối với các tổ chức tín dụng có áp dụng hạn mức tín dụng cả năm; Phê duyệt bảo lãnh cho từng khoản vay vốn của các Công ty con theo tỷ lệ vốn góp của VIETNAM AIRLINES trong vốn điều lệ của các Công ty con và đảm bảo nguyên tắc tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ không quá giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty con đó theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm bảo lãnh và tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm bảo lãnh hoặc nguyên tắc khác do Pháp luật quy định trong từng thời kỳ;
- d. Quyết định các khoản đầu tư trong phạm vi 110% Tổng giá trị kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- e. Quyết định đầu tư đối với các dự án mua tàu bay, bao gồm cả động cơ dự phòng thuộc dự án tàu bay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định đầu tư, mua tài sản cố định khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định việc thuê tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư tàu bay và mua phụ tùng vật tư tàu bay, dịch vụ phụ tùng vật tư tàu bay, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng vật tư tàu bay theo quy định của Pháp luật; Quyết định đầu tư, mua tài sản (trừ tàu bay) có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- f. Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán, bán và thuê lại tàu bay mới và tàu bay chưa khấu hao hết sau khi Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt chủ trương; Quyết định phương án thanh lý, nhượng bán tàu bay đã khấu hao hết; Quyết định phương án thanh lý, nhượng

bán tài sản cố định khác có tổng giá trị còn lại nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

- g. Việc định giá các tài sản góp vào VIETNAM AIRLINES không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của VIETNAM AIRLINES, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc VIETNAM AIRLINES mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - i. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi Cổ phần của VIETNAM AIRLINES;
 - j. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.
6. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Người điều hành VIETNAM AIRLINES trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của VIETNAM AIRLINES bị coi là không có giá trị và chưa được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
7. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho VIETNAM AIRLINES.
8. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của Điều lệ VIETNAM AIRLINES và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, Cổ đông sở hữu Cổ phần của VIETNAM AIRLINES liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, những Người quản lý trong VIETNAM AIRLINES, người giữ chức vụ quản lý trong các Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài



chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành. Người được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định khác.

10. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 46. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải thường trú tại Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm chức Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là công dân Việt Nam, Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và không đồng thời là Kiểm soát viên của VIETNAM AIRLINES. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị;
 - f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét;
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - h. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị;

5/2
3
TY
ETNA
P.H

- i. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;
- j. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VIETNAM AIRLINES, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- k. Đảm bảo rằng người lao động có thể báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Quản trị về những vấn đề bất thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của VIETNAM AIRLINES;
- l. Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình;
- m. Trình Hội đồng Quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị;
- n. Trình Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Chủ tịch, Phó chủ tịch các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị; và
- o. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các văn bản quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. VIETNAM AIRLINES trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận tiền lương, thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản tiền lương, thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 3. Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có). Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm không tham gia ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp được hưởng thù lao, phụ cấp trách nhiệm (nếu có). Khi thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc làm việc tại các Ủy ban giúp việc của hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm), có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định

của Hội đồng Quản trị.

4. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm tiền lương, thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ VIETNAM AIRLINES, Công ty con, Công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
5. Các thành viên của Hội đồng Quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong việc tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của VIETNAM AIRLINES và không nhất thiết phải là cổ đông của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; và
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị của VIETNAM AIRLINES không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

Điều 49. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;



3. Hoạt động của các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị;
4. Kết quả giám sát đối với Người điều hành VIETNAM AIRLINES;
5. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 50. Hợp Hội đồng Quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải được tổ chức trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Thành viên Hội đồng Quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập khi thấy cần thiết vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES.
3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác của VIETNAM AIRLINES; hoặc
 - d. Các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị quyết định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về

những thiệt hại xảy ra đối với VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp không thể triệu tập được vì lý do bất khả kháng.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình VIETNAM AIRLINES.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị gửi thông báo mời họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại VIETNAM AIRLINES.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tiến hành tại trụ sở VIETNAM AIRLINES hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tại địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của các thành viên Hội đồng Quản trị.
9. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp tham dự hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp triệu tập họp Hội đồng Quản trị lần thứ nhất nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng Quản trị lần hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền biểu quyết cho người khác nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Hình thức và nội dung ủy quyền được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
11. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác giữa các thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia đều có thể:



- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 51. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.
2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị tại cuộc họp:
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Nếu thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một người khác thực hiện biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VIETNAM AIRLINES và sự có mặt của thành viên đó không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

- c. Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 77 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VIETNAM AIRLINES và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội

đồng Quản trị không biết bản thân và Người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VIETNAM AIRLINES, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị tại cuộc họp:
 - a. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt);
 - b. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp;
 - c. Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại Khoản 11 Điều 50 Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VIETNAM AIRLINES.

Điều 52. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào Sổ biên bản và/hoặc ghi âm, ghi hình (nếu cần thiết). Trong trường hợp ghi biên bản thì biên bản phải lập bằng tiếng Việt, và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

01001
TỔ
CÔN
NG KHỎI
CT
NG BIỂ

C.P. ION

- c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do không ký biên bản; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó với những nội dung tại cuộc họp không có giá trị. Biên bản có thể được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.
2. Chủ toạ và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính xác thực và kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại, phản đối liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a. Không bảo đảm tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này;
 - b. Vi phạm quy định của Pháp luật đến mức bị truy tố;
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị VIETNAM AIRLINES;
 - d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp bất khả



kháng;

- e. Bị Cơ quan Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; và
 - g. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được thay thế trong những trường hợp sau:
- a. Khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 44 và Khoản 1 Điều này;
 - b. Không đủ năng lực đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c. Tự nguyện xin từ chức và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; và
 - d. Khi có quyết định nghỉ chế độ hoặc chủ sở hữu điều chuyển, phân công công việc khác.
3. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách theo Khoản 4 Điều 44 và sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bị giảm quá một phần ba (1/3) và/hoặc không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 54. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các Ủy ban trực thuộc, giúp việc cho Hội đồng Quản trị, bao gồm:
 - a. Ủy ban chiến lược và đầu tư;
 - b. Ủy ban kiểm toán;
 - c. Ủy ban nhân sự và tiền lương; và
 - d. Ủy ban khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.



Handwritten signature

2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các Ủy ban này và cơ chế làm việc của các Ủy ban do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 55. Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES là Thư ký VIETNAM AIRLINES theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VIETNAM AIRLINES và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của VIETNAM AIRLINES;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VIETNAM AIRLINES;

- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và các văn bản quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES.

Điều 56. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Hội đồng Quản trị và các Ủy ban của Hội đồng Quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của VIETNAM AIRLINES mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một Người quản lý nào của VIETNAM AIRLINES.

**Mục 4
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 57. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VIETNAM AIRLINES, thực trạng tài chính của VIETNAM AIRLINES và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, trong đó có hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam.

2. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 43 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị VIETNAM AIRLINES. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại VIETNAM AIRLINES. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp khác.
4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Giám sát hoạt động, tình hình tài chính công ty và tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp



hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông. Giám sát việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VIETNAM AIRLINES, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông đối với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VIETNAM AIRLINES; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của VIETNAM AIRLINES và Cổ đông;

2. Ban hành các quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
3. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES để thực hiện nhiệm vụ được giao;
4. Thẩm định báo cáo tài chính sáu (06) tháng đầu năm và hàng năm của VIETNAM AIRLINES. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ can trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác hạch toán, kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông;
5. Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên;
6. Kiểm tra sổ kế toán và các tài liệu khác và công việc kinh doanh, quản lý, điều hành của VIETNAM AIRLINES bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng. Trường hợp thực hiện kiểm tra khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng, Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu đó. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được gây cản trở đến hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong vòng bốn mươi tám (48) giờ khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành VIETNAM AIRLINES đối với các nghĩa vụ quy định tại Điều 76 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ này và quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

8. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này;
9. Có quyền hạn và trách nhiệm trong việc đề xuất Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; đánh giá hiệu quả công việc của kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của VIETNAM AIRLINES do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.
10. Đề xuất và kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
11. Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES lưu giữ tại trụ sở chính, Đơn vị trực thuộc và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên của VIETNAM AIRLINES làm việc;
12. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Cổ đông lớn của VIETNAM AIRLINES;
13. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật;
14. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của VIETNAM AIRLINES để thực hiện các nhiệm vụ của mình;
15. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc; và
16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 59. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 60 Điều lệ này, Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả Kiểm soát viên liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 58 của Điều lệ này;
2. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;



3. Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng Quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường khi Hội đồng Quản trị có hành vi vi phạm Pháp luật theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
4. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ban kiểm soát;
6. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Người điều hành VIETNAM AIRLINES cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
7. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp gây tranh cãi;
8. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban kiểm soát;
9. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
10. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết;
11. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng Quản trị;
12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn các Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VIETNAM AIRLINES, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES, của Cổ đông;
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát bất thường;
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại hội đồng Cổ đông;
6. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng Quản trị được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó. Trong cuộc họp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.
8. Hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có vi phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều lệ này;
9. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ; và
10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 61. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do VIETNAM AIRLINES phát hành được gửi đến Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người quản lý và nhân viên VIETNAM AIRLINES làm việc.
5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành VIETNAM AIRLINES phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES



theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin, tài liệu khác được cung cấp cho Cổ đông và các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 62. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng phí tư vấn độc lập của Kiểm soát viên được VIETNAM AIRLINES thanh toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 63. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc hoặc Người quản lý khác;
3. Không phải là Người quản lý của VIETNAM AIRLINES; Kiểm soát viên không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của VIETNAM AIRLINES;
4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VIETNAM AIRLINES và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES trong ba (03) năm liền trước đó;
5. Có đạo đức nghề nghiệp;
6. Có trình độ từ đại học trở lên;
7. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với Kiểm soát viên chuyên trách); và
8. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Pháp luật có liên quan.

Điều 64. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 63 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; hoặc
 - c. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; hoặc
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 65. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng bảy (07) ngày sau ngày bầu cử Ban kiểm soát đó. Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất năm (05) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.
3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên; hoặc
 - e. Tổng giám đốc.



4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của Khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên phải tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một Kiểm soát viên đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VIETNAM AIRLINES.
6. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các Kiểm soát viên tối thiểu năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những Kiểm soát viên. Những Kiểm soát viên không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 66. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát

1. Số thành viên tham dự yêu cầu:

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên trực tiếp tham dự hoặc thông qua người thay thế là một trong các Kiểm soát viên được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định thì thực hiện theo quy định tại quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

2. Nguyên tắc biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

- b. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Kiểm soát viên và những nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Kiểm soát viên có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d. Bất kỳ Kiểm soát viên nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 77 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
3. Biểu quyết theo đa số:
- a. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.
- b. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
- c. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng Kiểm soát viên tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

Điều 67. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.
2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các Kiểm soát viên và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại VIETNAM AIRLINES bởi Ban kiểm soát.



Điều 68. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Người điều hành VIETNAM AIRLINES;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông.

Điều 69. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ Người quản lý nào của VIETNAM AIRLINES.

**Mục 5
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 70. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES và là người điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng Quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3. Trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

4. Tổng giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại bất kỳ doanh nghiệp nào, trừ trường hợp là Đơn vị trực thuộc của VIETNAM AIRLINES hoặc trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại Đơn vị trực thuộc đó; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 71. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của VIETNAM AIRLINES, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và/hoặc kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
2. Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức trừ các tổ chức thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
4. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của VIETNAM AIRLINES theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt VIETNAM AIRLINES ký kết các hợp đồng kinh tế và thương mại;
5. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà VIETNAM AIRLINES cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành VIETNAM AIRLINES để Hội đồng Quản trị quyết định;
6. Đề nghị Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VIETNAM AIRLINES;
7. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động với các chức danh quản lý, người lao động trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và phân cấp nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành;
8. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;



9. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của VIETNAM AIRLINES; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty và thực hiện thẩm quyền ban hành văn bản quản lý nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp theo phân cấp thẩm quyền tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
10. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIETNAM AIRLINES (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIETNAM AIRLINES theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES do Hội đồng Quản trị ban hành; Đồng thời thực hiện các biện pháp huy động các nguồn tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VIETNAM AIRLINES để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
11. Kiến nghị phương án trả Cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
12. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị xem xét, thông qua trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định chiến lược đầu tư phát triển của VIETNAM AIRLINES;
13. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
14. Tổ chức tốt công tác thống kê, hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính quý, bán niên và hàng năm, công bố thông tin của VIETNAM AIRLINES theo đúng quy định của nhà nước. Trình Hội đồng Quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo chung về tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ của VIETNAM AIRLINES;
15. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;
16. Đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng Quản trị và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp;
17. Ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay; về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản và các quyết định liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền quy định tại quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES do Hội đồng Quản trị ban hành;
18. Thực hiện giao kết hợp đồng lao động với người lao động của VIETNAM AIRLINES theo quy định;
19. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với VIETNAM AIRLINES (nếu có).

Điều 72. Giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của VIETNAM AIRLINES.
2. Phó Tổng giám đốc là người giúp việc Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VIETNAM AIRLINES theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền.
3. Kế toán trưởng giúp việc Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động tài chính, công tác kế toán, thống kê của VIETNAM AIRLINES, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kế toán trưởng được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 73. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.
2. Tiền lương và chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VIETNAM AIRLINES theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu rõ trong Báo cáo thường niên của VIETNAM AIRLINES

Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc VIETNAM AIRLINES phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - c. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VIETNAM AIRLINES;
 - d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết Pháp luật và có ý thức chấp hành Pháp luật;



- e. Không phải là Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng VIETNAM AIRLINES;
 - f. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định Pháp luật.
2. Phó Tổng giám đốc VIETNAM AIRLINES phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm a, b, d, e và f Khoản 1 Điều này;
 - b. Có trình độ từ Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp.
3. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định của Pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d. VIETNAM AIRLINES bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
4. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 74 Điều lệ này;
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát VIETNAM AIRLINES trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày;
 - d. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Để VIETNAM AIRLINES bị lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hai năm liên tiếp hoặc để VIETNAM AIRLINES trong tình trạng lỗ lũy đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan, liên quan đến đặc thù của ngành hàng không và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
 - f. Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn

để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.

- g. VIETNAM AIRLINES lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của Pháp luật về phá sản.
 - h. Sức khỏe giảm sút, không đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES;
 - i. Vi phạm Pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ này.
 - j. Cố tình vi phạm hoặc vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc thực hiện Điều lệ VIETNAM AIRLINES, Quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị VIETNAM AIRLINES.
 - k. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
5. Tổng giám đốc được thay thế khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a. Đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.
 - b. Tự nguyện xin từ chức và được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 - c. Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc nghỉ chế độ, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
6. Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo Điểm d Khoản 4 Điều này khi có đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm, bãi nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo gần nhất.
7. Trong trường hợp Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng Quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.
8. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 75 này để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc, báo cáo ngay Đại hội đồng Cổ đông gần nhất và tiến hành xử lý những sai phạm của Tổng giám đốc, cũng như bổ nhiệm người thay thế Tổng giám đốc.



Mục 6
NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VIETNAM AIRLINES

Điều 75. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES có nghĩa vụ:
 - a. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ VIETNAM AIRLINES, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của Pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b. Trung thành với lợi ích của VIETNAM AIRLINES và Cổ đông của VIETNAM AIRLINES; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VIETNAM AIRLINES, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VIETNAM AIRLINES để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nào khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VIETNAM AIRLINES;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIETNAM AIRLINES về bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận;
 - d. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VIETNAM AIRLINES hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VIETNAM AIRLINES;
 - e. Không được đòi hỏi hoặc nhận các quà tặng vật chất của VIETNAM AIRLINES cho riêng mình hoặc người thân của mình;
 - f. Không được bỏ trí, thu xếp, tạo điều kiện dưới mọi hình thức trá hình để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình, những pháp nhân mà mình có lợi ích tài chính đề nghị VIETNAM AIRLINES cho vay hoặc cấp bảo lãnh, và VIETNAM AIRLINES cũng không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng này, trừ trường hợp các khoản vay và bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận; và
 - g. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành VIETNAM AIRLINES và những Người có liên quan với những người này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VIETNAM AIRLINES hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - h. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của VIETNAM AIRLINES và quy định của Pháp luật.

2. Ngoài các nghĩa vụ nêu tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi VIETNAM AIRLINES không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định rõ tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật, Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động, nghĩa vụ, quyết định, ý kiến, hay việc không hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên, Người quản lý do Cổ đông đó đề cử hoặc là Người có liên quan đến Cổ đông đó.

Điều 76. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của VIETNAM AIRLINES phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với VIETNAM AIRLINES bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số cổ phần hoặc phần vốn góp từ 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với VIETNAM AIRLINES trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho Cổ đông của VIETNAM AIRLINES và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES.

Điều 77. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng dân sự, hợp đồng trong kinh doanh, thương mại giữa VIETNAM AIRLINES với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES và những Người có liên quan của họ; và
 - c. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 76 Điều lệ này.

1001
TỔ
CÔN
G KHÔ
CT
BIỂ

2. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không được phép tham gia biểu quyết. Người đại diện của VIETNAM AIRLINES ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
3. Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của VIETNAM AIRLINES ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận. Người đại diện của VIETNAM AIRLINES ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES, thì hợp đồng đó bị vô hiệu, không phát sinh hiệu lực đối với VIETNAM AIRLINES và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Người ký kết hợp đồng, Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại VIETNAM AIRLINES các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 78. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VIETNAM AIRLINES.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước Cổ đông về mọi hoạt động của VIETNAM AIRLINES.

Điều 79. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VIETNAM AIRLINES vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của VIETNAM AIRLINES mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác, VIETNAM AIRLINES không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành VIETNAM AIRLINES và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp VIETNAM AIRLINES và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty hoạt động theo nhóm công ty (công ty mẹ - công ty con) và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Điều 80. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Người điều hành VIETNAM AIRLINES không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cấn và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của VIETNAM AIRLINES do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

- a. Trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, VIETNAM AIRLINES sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự hay hành chính và không phải là các vụ kiện do VIETNAM AIRLINES là người khởi kiện hoặc có quyền khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành VIETNAM AIRLINES, nhân viên hoặc đại diện được VIETNAM AIRLINES ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VIETNAM AIRLINES với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị, Người điều hành VIETNAM AIRLINES, nhân viên hoặc đại diện được VIETNAM AIRLINES ủy quyền, với điều kiện là người đó đã hành động với thiện chí, sự cẩn trọng, cần mẫn và kỹ năng chuyên môn hợp lý theo cách thức mà người đó cho rằng sẽ có lợi nhất cho VIETNAM AIRLINES hoặc không gây thiệt hại đến lợi ích của VIETNAM AIRLINES, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VIETNAM AIRLINES, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành VIETNAM AIRLINES, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VIETNAM AIRLINES được VIETNAM



AIRLINES bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (ngoài những trường hợp mà VIETNAM AIRLINES sẽ là người khởi kiện hoặc có quyền khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- (i) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VIETNAM AIRLINES; và
 - (ii) Tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- b. Các khoản bồi hoàn bao gồm tất cả các chi phí phát sinh (gồm cả chi phí pháp lý), các khoản tiền phạt, và các khoản phải trả thực tế đã phát sinh và được coi là hợp lý để chi trả cho những trách nhiệm, thiệt hại, khiếu nại, kiện tụng đó.
3. VIETNAM AIRLINES có thể mua bảo hiểm cho những người này đối với những rủi ro và trách nhiệm mà VIETNAM AIRLINES thấy hợp lý.

Mục 7 **LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

Điều 81. Lao động – Tiền lương

Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động của VIETNAM AIRLINES, bao gồm cả hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và các vấn đề có liên quan khác phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và được ghi nhận tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Điều 82. Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành VIETNAM AIRLINES.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES và các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES và quy định Pháp luật.
3. Tổ chức công đoàn được đại diện tập thể người lao động mua cổ phần (nếu có) theo quy định của Nhà nước. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức công đoàn VIETNAM AIRLINES có quyền và trách nhiệm của Cổ đông phổ thông theo quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật tương ứng với số Cổ phần sở hữu.

CHƯƠNG IV
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC,
CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Mục 1
CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VIETNAM AIRLINES

Điều 83. Cơ cấu tổ chức hoạt động của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Các Đơn vị trực thuộc;
 - c. Các Công ty con; và
 - d. Các Công ty liên kết.

Danh sách các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm. Danh sách này được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới theo quy định của Pháp luật.

2. VIETNAM AIRLINES có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của VIETNAM AIRLINES theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

Mục 2
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES
VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 84. Quan hệ giữa VIETNAM AIRLINES với các Đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc VIETNAM AIRLINES, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của VIETNAM AIRLINES và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.



Mục 3
QUAN HỆ GIỮA VIETNAM AIRLINES
VỚI CÁC CÔNG TY CÓ VỐN GÓP CỦA VIETNAM AIRLINES

Điều 85. Quản lý phần vốn của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại doanh nghiệp khác

1. VIETNAM AIRLINES quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản các Công ty con do VIETNAM AIRLINES nắm giữ 100% vốn điều lệ và tham gia đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại các Công ty con khác, Công ty liên kết của VIETNAM AIRLINES; điều chỉnh mức đầu tư của VIETNAM AIRLINES vào các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.
2. Quyền và nghĩa vụ của VIETNAM AIRLINES đối với các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này, điều lệ các Công ty con, Công ty liên kết và Pháp luật hiện hành.
3. VIETNAM AIRLINES ủy quyền cho Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES trực tiếp thay mặt VIETNAM AIRLINES quản lý các khoản đầu tư của VIETNAM AIRLINES tại các Công ty con, Công ty liên kết. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES tại các Công ty con, Công ty liên kết được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành.
4. Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES thực hiện toàn bộ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết. VIETNAM AIRLINES chỉ ủy quyền cho các cá nhân khác (không phải Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES) để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết mà VIETNAM AIRLINES không cử người đại diện. Trong một số trường hợp đặc biệt, Hội đồng Quản trị quyết định một số nội dung liên quan đến công tác quản lý phần vốn của VIETNAM AIRLINES đầu tư tại doanh nghiệp khác.
5. Trường hợp VIETNAM AIRLINES cử nhiều Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES tham gia quản lý vốn góp tại Công ty con, Công ty liên kết thì VIETNAM AIRLINES quy định cụ thể tỷ lệ đại diện để ủy quyền cho từng Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES và phân công trưởng nhóm người đại diện điều hành, phụ trách chung trong nhóm Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES. Nội dung cụ thể do Hội đồng Quản trị quy định.

Điều 86. Nguyên tắc quan hệ với các công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các công ty có vốn góp của VIETNAM AIRLINES. Quy định này không loại trừ quyền của Người đại diện phần vốn của VIETNAM AIRLINES thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các công ty này.
2. VIETNAM AIRLINES sẽ hỗ trợ cho các công ty có vốn góp của VIETNAM

AIRLINES bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung cho cả tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở phát huy được thế mạnh của từng công ty và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các công ty. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, thương mại, đầu tư giữa các thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với quy định Pháp luật.

CHƯƠNG V CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1 CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Điều 87. Chế độ tài chính

1. VIETNAM AIRLINES chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES.
2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm quyền chi phối. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản lý tài chính của VIETNAM AIRLINES.

Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a. Cơ chế quản lý và sử dụng vốn;
 - b. Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản;
 - c. Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của VIETNAM AIRLINES;
 - d. Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của VIETNAM AIRLINES;
 - e. Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;
 - f. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý tài chính VIETNAM AIRLINES;
 - g. Mọi quan hệ tài chính giữa VIETNAM AIRLINES với các Công ty con, Công ty liên kết.
3. VIETNAM AIRLINES tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp

1001
TỔ
CÔNG
KHÔNG
CTI
BIÊN

luật.

Điều 88. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán VIETNAM AIRLINES sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác theo chuẩn mực thông lệ quốc tế và được Bộ Tài chính chấp thuận. VIETNAM AIRLINES thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định.
2. VIETNAM AIRLINES sử dụng đồng Việt Nam (VND) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của VIETNAM AIRLINES được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật. Các sổ sách đó phải chính xác cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

Điều 89. Năm tài chính

1. Năm tài chính của VIETNAM AIRLINES bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (một) dương lịch và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sau khi chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước) và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) của tháng 12 (mười hai) cùng năm.

Mục 2 KIỂM TOÁN

Điều 90. Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán độc lập:
 - a. Theo đề nghị của Ban kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật. Kiểm toán độc lập phải được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.
 - b. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES.
 - c. VIETNAM AIRLINES sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

- d. Tổ chức kiểm toán độc lập của VIETNAM AIRLINES sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của VIETNAM AIRLINES và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
 - e. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES sẽ được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông nào và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính năm trong trường hợp báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.
 - f. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VIETNAM AIRLINES được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, Pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Trong thời hạn theo quy định hiện hành, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê duyệt các báo cáo tài chính năm báo cáo đã được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông, gồm:
 - a. Báo cáo tài chính của VIETNAM AIRLINES.
 - b. Báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
 3. VIETNAM AIRLINES tổ chức và chỉ đạo thực hiện:
 - a. Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật nhằm phục vụ cho công tác quản trị của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát, của Hội đồng Quản trị đối với các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con của VIETNAM AIRLINES.
 - b. VIETNAM AIRLINES thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ để trực tiếp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ phục vụ cho công tác quản trị của VIETNAM AIRLINES theo quy định pháp luật.
 - c. Kiểm toán bắt buộc theo quy định của Pháp luật đối với báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, của các Đơn vị trực thuộc, của các Công ty con và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Pháp luật.
 4. VIETNAM AIRLINES phải thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.
 5. VIETNAM AIRLINES phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật.



Mục 3
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 91. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VIETNAM AIRLINES được sử dụng để trả Cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 92. Trích lập quỹ

1. VIETNAM AIRLINES trích lập các quỹ và dự phòng theo quy định của Pháp luật.
2. Hàng năm, VIETNAM AIRLINES sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
 - a. Trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - b. Trả Cổ tức cho Cổ đông theo quy định tại Điều 93 Điều lệ này.
 - c. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật.
3. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 93. Cổ tức

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. VIETNAM AIRLINES chỉ được trả Cổ tức cho Cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ VIETNAM AIRLINES và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số Cổ tức đã định, VIETNAM AIRLINES vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
2. VIETNAM AIRLINES sẽ không thanh toán lãi cho bất cứ Cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một Cổ phần.
3. Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi (nếu có).
4. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VIETNAM AIRLINES do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần của VIETNAM AIRLINES hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Cổ đông. Nếu Pháp luật cho phép và

có thể thực hiện được trên thực tế, VIETNAM AIRLINES có thể chuyển đổi Cổ tức từ VND thành đô la Mỹ hoặc các ngoại tệ khác trước khi trả cho Cổ đông không cư trú tại Việt Nam và Cổ đông đó sẽ phải chịu mọi chi phí.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và Cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ Cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một Cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản khi VIETNAM AIRLINES đã được cung cấp thông tin chi tiết về tài khoản của Cổ đông nhằm cho phép VIETNAM AIRLINES thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản của Cổ đông. VIETNAM AIRLINES sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được VIETNAM AIRLINES chuyển khoản nhưng Cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu VIETNAM AIRLINES đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do Cổ đông đó cung cấp. Việc thanh toán Cổ tức đối với các Cổ phần niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc TTLKCK.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận Cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho Cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả Cổ tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả Cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả Cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ danh sách Cổ đông của VIETNAM AIRLINES. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận Cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng Cổ phần hoặc chứng khoán liên quan. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả Cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận Cổ tức từ VIETNAM AIRLINES.
8. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận Cổ tức, xác định mức Cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả Cổ tức. Thông báo về trả Cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả Cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên VIETNAM AIRLINES, tên và địa chỉ thường trú, quốc tịch của Cổ đông, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần từng loại của Cổ đông, mức Cổ tức đối với từng loại Cổ phần và tổng số Cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả Cổ tức, họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc của VIETNAM AIRLINES.



9. Trừ trường hợp Cổ phần có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản liên quan đến Cổ phần có quy định khác, mức Cổ tức của những Cổ phần chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua Cổ phần đó tính đến thời điểm chi trả Cổ tức. VIETNAM AIRLINES không chi trả Cổ tức bổ sung khi các Cổ phần đó được thanh toán hết.
10. Trường hợp chi trả Cổ tức bằng Cổ phần, VIETNAM AIRLINES không phải làm thủ tục chào bán cổ phần, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác. VIETNAM AIRLINES phải đăng ký tăng Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần dùng để chi trả Cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán Cổ tức.

CHƯƠNG VI SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIETNAM AIRLINES

Điều 94. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. VIETNAM AIRLINES lập các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Pháp luật. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của VIETNAM AIRLINES phải được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES bao gồm:
 - a. Bảng cân đối kế toán;
 - b. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - c. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo trên, VIETNAM AIRLINES lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

3. Báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES phải được lập một cách trung thực, khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua. Tổng giám đốc VIETNAM AIRLINES tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại Khoản 2 Điều này.
4. VIETNAM AIRLINES sẽ lập các báo cáo tài chính sáu (06) tháng (đầu năm) và hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
5. Hội đồng Quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại Khoản 2 Điều này; lập

các báo cáo về tình hình kinh doanh của VIETNAM AIRLINES; các báo cáo về tình hình tài chính của VIETNAM AIRLINES, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VIETNAM AIRLINES và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

6. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng Quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở Trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính VIETNAM AIRLINES và thông báo đến tất cả các Cổ đông chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba (03) số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu (06) tháng của VIETNAM AIRLINES phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES (Mục Quan hệ nhà đầu tư – Investor Relations).

7. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua gửi đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
8. Trong trường hợp VIETNAM AIRLINES thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về việc lập báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết.

Điều 95. Báo cáo thường niên

VIETNAM AIRLINES lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 96. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ VIETNAM AIRLINES

1. Cổ đông của VIETNAM AIRLINES có quyền trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ VIETNAM AIRLINES, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông của VIETNAM AIRLINES trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách VIETNAM AIRLINES theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành VIETNAM AIRLINES có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của VIETNAM AIRLINES, danh

0100
T
C
NG KH
CT
3 BIÊN

sách Cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của VIETNAM AIRLINES để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại VIETNAM AIRLINES và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

4. Các tổ chức, cá nhân đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của VIETNAM AIRLINES, tại trụ sở chính của VIETNAM AIRLINES và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
5. Điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIETNAM AIRLINES.

Điều 97. Chế độ lưu giữ tài liệu của VIETNAM AIRLINES

1. VIETNAM AIRLINES lưu giữ tại trụ sở chính VIETNAM AIRLINES các tài liệu sau đây:
 - a. Điều lệ VIETNAM AIRLINES; sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIETNAM AIRLINES; các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES;
 - b. Sổ đăng ký Cổ đông;
 - c. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
 - e. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan kiểm toán độc lập;
 - h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES;
 - i. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của VIETNAM AIRLINES, của các Công ty con;
 - j. Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của VIETNAM AIRLINES; và
 - k. Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của

Pháp luật.

3. Tổng giám đốc VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu VIETNAM AIRLINES theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 98. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được VIETNAM AIRLINES gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan thuế có thẩm quyền, Cơ quan đăng ký kinh doanh và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải được công bố trong thời hạn nhất định kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của Pháp luật có liên quan.
2. Tổng giám đốc là người thực hiện các quy định của Pháp luật và Điều lệ này về công bố thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định theo Điều lệ này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của VIETNAM AIRLINES chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền.
3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo quy định của Pháp luật.
4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của Pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
5. VIETNAM AIRLINES là công ty đại chúng quy mô lớn. VIETNAM AIRLINES xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN VIETNAM AIRLINES

Điều 99. Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 100. Giải thể

1. VIETNAM AIRLINES bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động theo quy định của Pháp luật;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc
 - c. Không còn đủ số lượng Cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình



doanh nghiệp.

2. VIETNAM AIRLINES chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài.
3. Các quyết định giải thể VIETNAM AIRLINES do Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định của Pháp luật.
4. Chậm nhất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể VIETNAM AIRLINES, Hội đồng Quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu ba (03) thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của VIETNAM AIRLINES hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản được VIETNAM AIRLINES ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VIETNAM AIRLINES.
5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt VIETNAM AIRLINES trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VIETNAM AIRLINES trước Tòa án và các cơ quan liên quan.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý.
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
 - c. Nợ thuế.
 - d. Các khoản nợ khác của VIETNAM AIRLINES.
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.
7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 101. Phá sản

Việc phá sản VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 102. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VIETNAM AIRLINES, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông này sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:
 - a. Một Cổ đông hay các Cổ đông và VIETNAM AIRLINES; hoặc
 - b. Bất kỳ Cổ đông hay các Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát hay Người điều hành VIETNAM AIRLINES.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

CHƯƠNG IX CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 103. Thông tin định kỳ

1. VIETNAM AIRLINES thông tin định kỳ và bất thường cho Cổ đông về những hoạt động của VIETNAM AIRLINES trên trang thông tin điện tử (Mục Quan hệ Nhà đầu tư - Investor Relations) phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. VIETNAM AIRLINES được trao đổi thông tin với các tổ chức, hiệp hội, nghiệp đoàn mà mình là thành viên.
3. VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động VIETNAM AIRLINES phù hợp với Pháp luật



hiện hành.

Điều 104. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của VIETNAM AIRLINES và những Người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của VIETNAM AIRLINES mà mình biết.
2. VIETNAM AIRLINES được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng và hoạt động của VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 105. Luật điều chỉnh, giải thích Điều lệ

1. Điều lệ này được điều chỉnh theo Luật Việt Nam.
2. Nếu một điều hoặc một phần của một điều của Điều lệ này có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu, nhưng cũng có thể được hiểu theo cách làm cho điều đó hợp pháp, có hiệu lực thi hành và hiệu lực pháp lý thì cần được hiểu điều đó theo cách thứ hai.
3. Nếu một điều hoặc một phần của Điều lệ là bất hợp pháp, không còn hiệu lực thi hành hay vô hiệu thì điều hoặc phần điều đó được xem là xóa khỏi Điều lệ này nhưng phần còn lại của Điều lệ không bị ảnh hưởng.

**CHƯƠNG X
ĐIỀU KHOẢN HIỆU LỰC**

Điều 106. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp có những quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của VIETNAM AIRLINES nhưng chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp các văn bản Pháp luật được trích dẫn trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt thi hành hoặc có những quy định Pháp luật mới thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành thủ tục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Điều lệ mới cho phù hợp. Trong thời gian Điều lệ này chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VIETNAM AIRLINES.

Điều 107. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, họp Hội đồng Quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy định nội bộ của VIETNAM AIRLINES, quy định, quyết định của VIETNAM AIRLINES cũng như trong các biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các Cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị và chịu các chi phí phiên dịch,

biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
3. Tất cả các đơn vị, cá nhân thuộc VIETNAM AIRLINES có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
4. Điều lệ gồm mười (10) Chương, một trăm lẻ bảy (107) Điều, được lập thành tám (08) bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Hai (02) bản nộp Bộ Giao thông Vận tải;
 - b. Một (01) bản nộp Bộ Tài chính;
 - c. Một (01) bản đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nếu cần);
 - d. Bốn (04) bản lưu tại Văn phòng của VIETNAM AIRLINES.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của VIETNAM AIRLINES phù hợp với quy định Pháp luật.
6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Dương Trí Thành

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIETNAM AIRLINES

1. Tạp chí Heritage.
2. Đoàn bay 919.
3. Đoàn tiếp viên.
4. Trung tâm Khai thác Nội Bài.
5. Trung tâm Khai thác Tân Sơn Nhất.
6. Các chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước.



PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON
VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VIETNAM AIRLINES

I. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1. Công ty TNHH một thành viên Kỹ thuật máy bay.
2. Công ty TNHH một thành viên Nhiên liệu hàng không Việt Nam.
3. Công ty TNHH một thành viên Suất ăn hàng không Việt Nam.
4. Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam.

II. CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

1. Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất.
2. Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO.

III. CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài.
2. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
3. Công ty cổ phần Cung ứng và xuất nhập khẩu lao động hàng không.
4. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài.
5. Công ty cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines.
6. Công ty cổ phần Tin học và viễn thông hàng không.
7. Công ty cổ phần Đào tạo bay Việt.
8. Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (tại Vương Quốc Căm-pu-chia).
9. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng.
10. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu hàng không.
11. Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.

12. Công ty cổ phần Nhựa cao cấp hàng không.
13. Công ty cổ phần Sabre Việt Nam.
14. Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất.